Mẫu số: **03/BĐS-TNCN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

*(Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản;*

*thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)*

**[01]** Kỳ tính thuế: Lần phát sinh: Ngày … tháng … năm ...

**[02]** Lần đầu: **🗆 [03]** Bổ sung lần thứ:…

**I. THÔNG TIN NGƯỜI CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG**

**[04] Tên người nộp thuế**:............................................................................................

**[05]** Mã số thuế (nếu có):

**[06]** Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp cá nhân quốc tịch Việt Nam): ……….

**[06.1]** Ngày cấp:…………………… **[06.2]** Nơi cấp:…………………………....

**[07]** Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam): …………………..

**[07.1]** Ngày cấp:…………………… **[07.2]** Nơi cấp:…………………………....

**[08]** Địa chỉ chỗ ở hiện tại: ………………...................................................................

[**09]** Quận/huyện: ................... **[10]** Tỉnh/Thành phố: ..................................................

**[11]** Điện thoại: ............................................... **[12]** Email: .........................................

**[13]** Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):..............................................................

**[14]** Mã số thuế (nếu có):

**[15]** Địa chỉ: ……………………..…………………………………………………...

**[16]** Quận/huyện: ................... **[17]** Tỉnh/Thành phố: ..................................................

**[20] Tên đại lý thuế (nếu có):**..................................................................................

**[21]** Mã số thuế (nếu có):

**[22]** Địa chỉ: ……………………..………………..………………………………….

**[23]** Quận/huyện: ................... **[24]** Tỉnh/Thành phố: ..................................................

**[25]** Điện thoại: ............................................... **[26]** Email: .......................................

**[27]** Hợp đồng đại lý thuế: **[28]** Số: .......................... **[29]** Ngày:................................

**[30]** Giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất:

………………………………………………………………………….……………..

**[30.1]** Số:………… **[30.2]** Do cơ quan:………………… **[30.3]** Cấp ngày:………..

**[31]** Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp 1, cấp 2 hoặc Sàn giao dịch của chủ dự án:………..……………………

**[31.1]** Số……………………..**[31.2]** Ngày:…………………………………

**[32]**Hợp đồng chuyển nhượng trao đổi bất động sản:

**[32.1]** Số:………..… **[32.2]** Nơi lập…………. **[32.3]** Ngày lập:………...

**[32.4]** Cơ quan chứng thực ………… **[32.5]** Ngày chứng thực: ........................

**II. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG**

**[33]** Họ và tên đại diện:................................................................................................

**[34]** Mã số thuế (nếu có):

**[35]** Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):…………………

**[35.1]** Ngày cấp:…………………… **[35.2]** Nơi cấp:…………………………....

**[36]** Văn bản Phân chia di sản thừa kế, quà tặng là Bất động sản

**[36.1]** Nơi lập hồ sơ nhận thừa kế, quà tặng: .......................................................

**[36.2]** Ngày lập: .......................................................

**[36.3]** Cơ quan chứng thực:...................................................................................

**[36.4]** Ngày chứng thực: ........................................................................................

**III. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG**

**[37]** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất

**[38]** Quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở

**[39]** Quyền thuê đất, thuê mặt nước

**[40]** Bất động sản khác

**IV. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG**

**[41]** Thông tin về đất:

**[41.1]** Thửa đất số (Số hiệu thửa đất)……; Tờ bản đồ số (số hiệu):……….........

**[41.2]** Địa chỉ:........................................................................................................

[41.3] Số nhà…. Toà nhà… Ngõ/hẻm…... đường/phố…... Thôn/xóm/ấp:.........

[41.4]Phường/xã:.................................................................................................

[41.5]Quận/huyện:..............................................................................................

[41.6]Tỉnh/thành phố:.........................................................................................

**[41.7]** Loại đất, vị trí thửa đất (1,2,3,4…)

+ Loại đất 1:............... Vị trí 1:………… Diện tích:…………….m2

+ Loại đất 1:............... Vị trí 2:………… Diện tích:…………….m2

…

+ Loại đất 2:............... Vị trí 1:………… Diện tích:…………….m2

+ Loại đất 2:............... Vị trí 2:………… Diện tích:…………….m2

…

**[41.8]** Hệ số (nếu có):………………………………………………………….

**[41.9]** Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; Đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho…): ……………………………………..…….

**[41.10]** Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có): ……………………….đồng

**[42]** Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng

**[42.1]** Nhà ở riêng lẻ:

[42.2] Loại 1:......... Cấp nhà ở…..Diện tích sàn xây dựng:…………m2

[42.3] Loại 2:......... Cấp nhà ở…..Diện tích sàn xây dựng:…………m2

[**42.4]** Giá trị nhà thực tế chuyển giao (nếu có):…………………………đồng

**[42.5]** Nhà ở chung cư:

[42.6] Chủ dự án:.......................... [42.7] Địa chỉ dự án, công trình:………….

[42.8] Diện tích xây dựng:............ [42.9] Diện tích sàn xây dựng:…..….m2

[42.10] Diện tích sở hữu chung:.….m2 [42.11] Diện tích sở hữu riêng:..….m2

[42.12] Kết cấu:............ [42.13] Số tầng nổi:............ [42.14] Số tầng hầm:……..

[42.15] Năm hoàn công:………………

**[42.16]** Giá trị nhà thực tế chuyển giao (nếu có):………………………đồng

**[42.17]** Nguồn gốc nhà

Tự xây dựng [42.18] Năm hoàn thành (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):.….

Chuyển nhượng [42.19] Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà:.....................

**[42.20]** Công trình xây dựng (trừ nhà ở)

[42.21] Chủ dự án:........................[42.22] Địa chỉ dự án, công trình…………….

[42.23] Loại công trình:............... Hạng mục công trình……Cấp công trình……

[42.24] Diện tích xây dựng: ........ [42.25] Diện tích sàn xây dựng:…..….m2;

[42.26] Hệ số (nếu có):......................

[42.27] Đơn giá:................................

**[42.28]** Giá trị công trình thực tế chuyển giao (nếu có):………………đồng

**[43]** Tài sản gắn liền với đất

**[43.1]** Loại tài sản gắn liền với đất:.......................................................................

**[43.2]** Giá trị tài sản gắn liền với đất thực tế chuyển giao (nếu có):...…đồng

**V. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN; TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN**

**[44]** Loại thu nhập

**[44.1]** Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

**[44.2]** Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng

**[45]** Giá trị chuyển nhượng bất động sản và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giá trị bất động sản nhận thừa kế, quà tặng:……………………………………....................đồng

**[46]** Thuế thu nhập cá nhân phát sinh đối với chuyển nhượng bất động sản ([46]=[45]x2%):.............................................................................................................đồng

**[47]** Thu nhập miễn thuế:..................................................................................... đồng

**[48]** Thuế thu nhập cá nhân được miễn ([48] = [47] x 2%) ………………........ đồng

**[49]** Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản:{[49]=([46]-[48])}: …………………………đồng

**[50]** Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:

{[50]=([45]-[47]-10.000.000) x 10%}:………………..…….......đồng

**[51]** Số thuế phải nộp, được miễn của chủ sở hữu (chỉ khai trong trường hợp có đồng sở hữu hoặc chủ sở hữu, đồng sở hữu được miễn thuế theo quy định):

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Mã số thuế** | **Tỷ lệ sở hữu (%)** | **Số thuế phải nộp**  | **Số thuế được miễn** | **Lý do cá nhân được miễn với nhà ở, quyền sử dụng đất ở duy nhất** | **Lý do miễn khác** |
| [51.1] | [51.2] | [51.3] | [51.4] | [51.5] | [51.6] | [51.7] | [51.8] |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |

**VII. HỒ SƠ KÈM THEO GỒM:**

- ...................................................................................................................................;

- ...................................................................................................................................;

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**Họ và tên:.............................Chứng chỉ hành nghề số:...... | *..., ngày....... tháng....... năm.......***NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** (*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*) |

***Ghi chú:***

1. ***Hướng dẫn khai Chỉ tiêu [51]:***

*(1)Trường hợp người nộp thuế (NNT) không có Đồng sở hữu nếu được miễn toàn bộ số thuế theo quy định về thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với bất động sản chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng thì chỉ tích chọn vào dòng đầu tiên của cột [51.7] hoặc nêu lý do miễn tại cột [51.8] mà không phải kê khai các thông tin khác;*

*(2)Trường hợp có Đồng sở hữu (kể cả được miễn thuế hoặc không được miễn) đại diện NNT khai đầy đủ các thông tin trên Chỉ tiêu [51];*

*(3)Trường hợp NNT không có Đồng sở hữu nhưng có số thuế TNCN được miễn 1 phần, khai các chỉ tiêu tương ứng:*

*- Đối với số thuế được miễn: NNT khai các chỉ tiêu [51.2], [51.3], [51.4], [51.6] và [51.7] hoặc [51.8]*

 *- Đối với số thuế phải nộp: NNT khai các chỉ tiêu [51.2], [51.3], [51.4] và chỉ tiêu [51.5].*

 *(4) Khai chỉ tiêu [51.4]:*

 *- Trường hợp có Đồng sở hữu: đại diện NNT khai tỷ lệ sở hữu của Chủ sở hữu và các Đồng sở hữu;*

 *- Trường hợp NNT không có Đồng sở hữu mà có phát sinh số thuế được miễn một phần thì NNT tự xác định tỷ lệ sở hữu để làm căn cứ tính số thuế phải nộp, số thuế được miễn thuế TNCN đối với chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng là bất động sản.*

***2.******Hướng dẫn khai Mục: “* NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ”:** *chỉ khai thay trong trường hợp không phát sinh số thuế được miễn và trước khi ký phải ghi rõ “Khai thay”. Khai thay trong trường hợp tại**nội dung Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có nêu người mua phải có trách nhiệm khai thuế TNCN hoặc trường hợp người nộp thuế có ủy quyền cho cá nhân khác theo quy định của Pháp luật.*

Mẫu số: **01/LPTB**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số*

*80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

*(Áp dụng đối với nhà, đất)*

**[01]** Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ngày … tháng … năm …

**[02]** Lần đầu: 🗆 **[03]** Bổ sung lần thứ:…

 Tổ chức, cá nhân được ủy quyềnkhai thay cho người nộp thuế

**[04] Người nộp thuế**:...............................................................................................................

[05] Mã số thuế:

[06] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế): ……………………….

[07] Địa chỉ:..............................................................................................................................

[08] Quận/huyện: ................................... [09] Tỉnh/Thành phố: .............................................

[10] Điện thoại: ..................... [11] Fax: .................. [12] Email: ..........................................

**[13] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có):** ...................

[14] Mã số thuế:

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..................................... ngày ..........................................

**ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:**

1. Đất: ......................................................................................................................................

1.1. Thửa đất số (Số hiệu thửa đất): ………………………….; Tờ bản đồ số: ………..……

1.2. Địa chỉ thửa đất:

1.2.1. Số nhà: ………….…. Tòa nhà: ……….…..… Ngõ/Hẻm: ………………………….

Đường/Phố:……………………. Thôn/xóm/ấp: ……………………………………………

1.2.2. Phường/xã: ……………………………………………………………………………

1.2.3. Quận/huyện.. ………………………………………………………………………….

1.2.4. Tỉnh/thành phố ………………………………………………………………………..

1.3. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):…………………………………….

1.4. Mục đích sử dụng đất: ......................................................................................................

1.5. Diện tích (m2): .................................................................................................................

1.6. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

- Tên tổ chức/cá nhân chuyển giao QSDĐ:………………………………………………….

- Mã số thuế:…………………………………………………………………………………

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế): …………………………..

- Địa chỉ người giao QSDĐ: .................................................................................................

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày ........ tháng ....... năm ........

1.7. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Thông tin về nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho mục đích khác:

Cấp nhà: ……………........ Loại nhà: …………………………Hạng nhà:......................

Trường hợp là nhà ở chung cư:

Chủ dự án:……………… Địa chỉ dự án, công trình…………….

Kết cấu:………………… Số tầng nổi:…………Số tầng hầm:…….

Diện tích sở hữu chung (m2):…….. Diện tích sở hữu riêng (m2):……..

2.2. Diện tích nhà (m2):

Diện tích xây dựng (m2): …………………………………………………………………..

Diện tích sàn xây dựng (m2): ………………………………………………………………

2.3. Nguồn gốc nhà: ................................................................................................................

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà): ................................................................

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày ......... tháng ........ năm ........

2.4. Giá trị nhà (đồng):………………………………………………………………………

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng 🗆, nhận thừa kế 🗆, nhận tặng cho 🗆 (đồng):

..................................................................................................................................................

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

..................................................................................................................................................

5. Thông tin đồng chủ sở hữu nhà, đất (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên tổ chức/cá nhân đồng sở hữu | Mã số thuế | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

6. Giấy tờ có liên quan, gồm:

- ................................................................................................................................................

- ................................................................................................................................................

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**Họ và tên:.................................Chứng chỉ hành nghề số:......... | *..., ngày....... tháng....... năm.......***NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY**(*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*) |

Mẫu số: **04/TK-SDDPNN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số*

*80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**

*(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)*

**[01]** Kỳ tính thuế: Năm .......

**[02]** Lần đầu:  **[03]** Bổ sung lần thứ:……

**I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI**

**1. Người nộp thuế:**

**[04]** Họ và tên: ......................................................................................................................

**[05]** Ngày/tháng/năm sinh: ...................................................................................................

**[06]** Mã số thuế:

**[07]** Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp cá nhân chưa có MST): ...............................

**[08]** Ngày cấp: ................................ **[09]** Nơi cấp: ...............................................................

**[10]** Địa chỉ cư trú:

**[10.1]** Số nhà: ........................... **[10.2]** Đường/phố: ..............................................

**[10.3]** Tổ/thôn: ............................... **[10.4]** Phường/xã/thị trấn: ....................................

**[10.5]** Quận/huyện: ........................ **[10.6]** Tỉnh/Thành phố: ........................................

**[11]** Địa chỉ nhận thông báo thuế: ........................................................................................

**[12]** Điện thoại: .....................................................................................................................

**2. Đại lý thuế (nếu có):**

**[13]** Tên đại lý thuế:...............................................................................................................

**[14]** Mã số thuế:

**[15]** Hợp đồng đại lý thuế: Số: ...................................... Ngày: ............................................

**3. Thửa đất chịu thuế:**

**[16]** Thông tin người sử dụng đất:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **MST** | **CMND/CCCD/****Hộ chiếu** (trường hợp cá nhân chưa có MST) | **Tỷ lệ** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**[17]** Địa chỉ thửa đất:

**[17.1]** Số nhà: ........................... **[17.2]** Đường/ phố: ..............................................

**[17.3]** Tổ/thôn: ............................... **[17.4]** Phường/xã/thị trấn: ....................................

**[17.5]** Quận/huyện: ........................ **[17.6]** Tỉnh/Thành phố: ........................................

**[18]** Là thửa đất duy nhất:

**[19]** Đăng ký kê khai tổng hợp tại (Quận/Huyện): ..............................................................

**[20]** Đã có giấy chứng nhận:

**[20.1]** Số giấy chứng nhận: ............................. **[20.2]** Ngày cấp: ..................................

**[20.3]** Thửa đất số: .......................................... **[20.4]** Tờ bản đồ số: ............................

**[20.5]** Diện tích: ........................**[20.6]** Loại đất/ Mục đích sử dụng: .................................

**[21]** Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

**[21.1]** Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: .....................................................................

**[21.2]** Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định: ..............

**[21.3]** Hạn mức (nếu có): ....................................................................................................

**[21.4]** Diện tích đất lấn, chiếm: ....................................................................................

**[22]** Chưa có giấy chứng nhận:

**[22.1]** Diện tích: ................. **[22.2]** Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: ........................... **[23]** Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: ……………………………………………………….

**[24]** Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: …………………………………………...

**4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư** **[25]** *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

**[25.1]** Loại nhà: ...................**[25.2]** Diện tích: ................ **[25.3]** Hệ số phân bổ: ..........

**5. Trường hợp miễn, giảm thuế** **[26]** *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách, ...): ......*.............................................................................................................................................

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**Họ và tên:.............................Chứng chỉ hành nghề số:...... | *..., ngày....... tháng....... năm.......***NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**(*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*) |
|  |  |

**­II. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG** *(Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)*

**1. Người nộp thuế**

**[27]** Họ và tên: ......................................................................................................................

**[28]** Ngày/ tháng/ năm sinh: .................................................................................................

**[29]** Mã số thuế:

**[30]** Số CMND/Hộ chiếu/CCCD: ..........................................................................

**[31]** Ngày cấp: ................................ **[32]** Nơi cấp: ...............................................................

**2. Thửa đất chịu thuế**

**[33]** Địa chỉ:

**[33.1]** Số nhà: ........................... **[33.2]** Đường/phố: ..............................................

**[33.3]** Tổ/thôn: ............................... **[33.4]** Phường/xã/thị trấn: ....................................

 **[33.5]** Quận/huyện: ........................ **[33.6]** Tỉnh/Thành phố: ........................................

**[34]** Đã có giấy chứng nhận:

**[34.1]** Số giấy chứng nhận: ............................. **[34.2]** Ngày cấp: ..................................

**[34.3]** Thửa đất số: .......................................... **[34.4]** Tờ bản đồ số: ............................

**[34.5]** Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: .....................................................

**[34.6]** Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: ....................................

**[34.7]** Loại đất/ Mục đích sử dụng: .....................................................................................

**[34.8]** Hạn mức *(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN):* ...........................................................

**[35]** Chưa có giấy chứng nhận:

**[35.1]** Diện tích: ................... **[35.2]** Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: ........................

**[36]** Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: ………………………………………………………

**[37]** Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: …………………………………………...

**3. Trường hợp miễn, giảm thuế [38]** *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...)*: .................................

**4. Căn cứ tính thuế**

**[39]** Diện tích đất thực tế sử dụng: ......................... **[40]** Hạn mức tính thuế: ......................

**[41]** Thông tin xác định giá đất:

**[41.1]** Loại đất/ mục đích sử dụng: ......................... **[41.2]** Tên đường/vùng: .....................

**[41.3]** Đoạn đường/khu vực: ................................... **[41.4]** Loại đường: .............................

**[41.5]** Vị trí/hạng: .......... **[41.6]** Giá đất: ................ **[41.7]** Hệ số (đường/hẻm…): .............

**[41.8]** Giá 1 m2 đất *(Giá đất theo mục đích sử dụng)*: *.*.........................................................

**5. Diện tích đất tính thuế**

**5.1.** Đất ở *(Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)*

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **[42]** Diện tích trong hạn mức *(thuế suất: 0,03%)* | **[43]** Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức *(thuế suất: 0,07%)* | **[44]** Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức *(thuế suất 0,15%)* |
| ... | ... | ... |

**5.2.** Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

**[45]** Diện tích: ......................... **[46]** Hệ số phân bổ: ...........................................................

**5.3.** Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

**[47]** Diện tích: .........................**[48]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư): ....................*

**5.4.** Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

**[49]** Diện tích: ......................... **[50]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .................................

**[51]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư): ............................*

**5.5.** Đất lấn chiếm:

**[52]** Diện tích: ......................... **[53]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .................................

**[54]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư): .............................*

|  |  |
| --- | --- |
| *..., ngày....... tháng....... năm.......***CÁN BỘ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ** **ĐẤT ĐAI***(Ký tên, ghi rõ họ tên)* | *..., ngày....... tháng....... năm.......***GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ** **ĐẤT ĐAI***(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN CAM KẾT**

 **Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành Phố Hạ Long**

**Phòng Tài Nguyên và Môi Trường**

**Văn phòng đăng ký QSD đất**

Chúng tôi gồm:

Bên chuyển quyền sử dụng đất ( Bên A ):

 Ông :..................................................Sinh năm:..................CMND/CCCD:…………………………

 Bà:...................................................Sinh năm:..................CMND/CCCD:………………………….

 Hộ khẩu thường trú:..............................................................................................................................

Bên nhận chuyển quyền sử dụng đất ( Bên B ):

 Ông:..................................................Sinh năm:..................CMND/CCCD:………………………….

 Bà :..................................................Sinh năm:..................CMND/CCCD:………………………….

 Hộ khẩu thường trú: ............................................................................................................................

Hai bên đồng ý thỏa thuận nội dung sau:

Bên A và bên B đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất tại thửa đất số……..tờ bản đồ số………

thuộc tổ………..khu……………phường………………………….thành phố Hạ Long. Trên thửa đất có công trình nhà…………………………., diện tích………………m2, xây dựng năm……….Bên A cam kết chuyển quyền toàn bộ công trình nhà nêu trên cho bên B và cam kết không có ý kiến kiến nghị hay tranh chấp gì về sau.

 **Bên chuyển quyền Bên nhận chuyển quyền**